Lễ và Tết
Mạnh Bích

Trong cuộc sống chung xã hội, trong đời sống hằng ngày, chúng ta thường nghe nói nhiều nhất đến ba danh từ: lễ phép - ngày lễ - tế lễ. Ba danh từ ấy liên quan rất mật thiết với cuộc sống của con người.
Khắp nơi trên thế giới, đối với dân tộc nào, tầng lớp xã hội nào cũng vậy, vấn đề "Lễ" là nét đặc thù của mỗi nền văn hóa. ...

... Mỗi dân tộc, ngay từ lúc sống thành tập đoàn, đã có những lề lối riêng để điều hợp sự bang giao với nhau : cách dùng lời nói, cách chào hỏi, cách đứng ngồi, cách đi lại thăm viếng vân vân. Nói chung, từ phong thái đến tư duy và trong tâm linh, lúc nào vấn đề "lễ" cũng gắn liền với cuộc sống chung của con-người. Từ đấy nẩy sinh những lễ nghi, tập tục, lễ lạc.

Đối với VN-ta, trong vấn đề lễ phép, những chữ thường được dùng là: ăn nói, đứng ngồi vô lễ vô phép, xin được bỏ lỗi vì đã lỡ phạm điều thất lễ v.v. Người VN không lạm dụng chữ "xin lỗi" như Tây Phương nhưng trái lại rất chú trọng vấn đề phạm lỗi thất lễ đối với người khác. Đấy là vấn đề giáo dục, văn hóa của ta.

Từ xưa, dân VN đã có những hội hè, đình đám, những ngày lễ (ta gọi là tết). Gia đình nào cũng vậy, ngoài những ngày giỗ, chạp, thường nhớ nằm lòng những "húy nhật" để cùng nhau tổ chức hội, lễ. Trong dân gian, mỗi năm ta có những ngày Tết Nguyên Đán, Trung Thu, Đoan Ngọ, Thanh Minh, Cô Hồn, v.v. Thời bây giờ, trong cuộc sống "công ăn việc làm" - vie active - người công nhân đi làm, hạng sinh viên, giới học sinh đi học, thông thường ai cũng mong đến "ngày lễ" để được nghỉ lễ: ở Pháp, nhân dịp Tết, Giáng Sinh, Chư Thánh, Thăng thiên, Mộng Triệu, Lao Động, Đình Chiến, Chu Niên xNăm của Chuyện x ...Ở Mỹ có lễ Độc Lập, lễ Tạ Ơn... Ai cũng lăm lăm nhìn xem năm naymình được nghỉ ngày nào để sắp xếp chương trình xả hơi và đi nghỉ hè. Nghỉ xả hơi là trọng tâm của vấn đề nghỉ-lễ chứ phần đông, không mấy ai biết ngày lễ ấy là cái gì, tại sao được nghỉ, nghỉ để làm gì, trong khi giới "chức trách" tư và công thì phải bù đầu lo tổ chức cuộc lễ!

Cũng nên kể thêm những cuộc lễ "tư nhân" nhân dịp lễ Cưới Hỏi, lễ Mừng Sinh Nhật, lễ Mừng Thượng Thọ, lễ Mừng Tân gia v.v...Cho nên mới nẩy sinh vấn đề lễ lạc, lễ tiết và chúng ta nghe nói đến nghi thức làm lễ, diễn biến cuộc lễ, cốt yếu là việc hành lễ được trang trọng, xứng hợp với lòng tôn kính cần phải bày tỏ đối với đối tượng. Vậy Lễ là gì? Con người bầy ra Lễ làm gì? Tại sao phải bầy ra Lễ?

I. Lễ

Trong đầu của người dân của số lớn các nước và nói riêng về người dân Việt, ý niệm về Lễ rất mơ hồ. Riêng ở nước Pháp, chỉ dân chúng ở các địa phương mới nói đến những cuộc lễ đã làm nên nước Pháp-cổ (La Gaule). Khi La Gaule trở thành La France, những cuộc lễ dính liền với tập tục trong dân gian bị quên lãng dần. Nguyên nhân là nhiều biến chuyển đã xẩy ra do ảnh hưởng rất mạnh và sâu của văn minh la-tinh. Bây giờ, các ông tây bà đầm nhớ nằm lòng những ngày lễ thánh (Giáng Sinh, Chư Thánh, Thăng Thiên, Mộng Triệu...) và các ngày lễ công (Lao Động, Đình Chiến, Chu niên Xnăm của chuyện X...) để được nghỉ ngơi, tổ chức hội hè nhưng mấy ai đã nhớ, đã hiểu nguồn gốc, ý nghĩa của những húy nhật đã làm nên nền văn minh cơ đốc?

Ở VN cũng vậy. Trong dân gian, tại các địa phương có những ngày hội lớn như: Hội Đền Hùng (10 tháng 3 ÂL) Đức Thánh Trần (20-08), Chùa Hương (tháng Giêng - tháng Ba), Đền Cuông (15 tháng Hai), Phủ Dày (Thánh Mẫu Liễu Hạnh), Hội Lim, Chợ Xuân Gia Lạc, vân vân.... nhưng ngay người dân "sở tại" cũng không biết tại sao những nơi ấy lại có một thời ngát thơm hương khói, những ngày ấy đã trải qua một thời "dập dìu tài tử giai nhân". Ngay bây giờ, cho cả nước, mỗi năm ta chỉ còn nói đến những ngày Tết : Nguyên Đán để được nghỉ, Trung Thu, Đoan Ngọ để được tổ chức vui chơi trong nhà v.v... Rất

nhiều những ngày hội (tết) của ta mà ngày trước, từ vua đến dân, nhà nhà hội họp để cúng quảy không còn ai tưởng nhớ đến nữa.

Tập tục bị xoi mòn, tâm linh cũng tiêu hao theo!

Xin lấy một ví dụ cụ thể nhất : ngày thanh minh, tảo mộ là gì mà Nguyễn Du định nghĩa là :

Thanh minh trong tiết tháng Ba

"Lễ" là tảo mộ," hội" là đạp thanh.

Tại sao, vào ngày ấy, người dân Việt tổ chức một cuộc "lễ trong nhà" để cúng vái tổ tiên rồi kéo nhau ra nghĩa trang "làm sạch sẽ" cho các mộ phần? Ý nghĩa của cuộc lễ ấy là gì? Tại sao ngày ấy trở thành một ngày hội lớn, "gần xa nô nức yến oanh"?

Thêm một ví dụ khác cũng rất... bất thường : ngày tế Nam Giao là gì ? Tại sao, vào thời cận kim, giữa buổi văn minh tiến bộ, vua Bảo Đại nhà Nguyễn vẫn cho tổ chức long trọng mỗi năm, vào dịp đầu năm mới, ngày Tế Trời Đất ấy? Trong khi ấy, để hòa đồng với việc hành lễ của Vua, toàn dân trong nước, nhà nhà cũng từ tờ mờ sáng bày bàn thờ giữa sân nhà, (hay trên balcon nhỏ) "làm-lễ" Tạ Ơn Trời Đất?

Nhìn chung, tại sao dân VN rất chú trọng việc cúng quảy, tế lễ bằng tập tục thờ cúng ông bà, tổ tiên, tạ ơn Trời đất?

A. Lễ là gì ?

Những tập tục nói trên được dùng, được sống trong dân gian từ lúc nào, tại sao?

Nho giáo dùng Kinh Lễ để trả lời với những nhận định rất "người" này :

Kim nhân nhi vô lễ, tuy năng ngôn bất diệc cầm thú chi tâm hồ! (làm người mà không có lễ thì tuy biết nói đấy nhưng có khác gì cầm thú?...)

...vi lễ dĩ giáo nhân, sử nhân dĩ hữu lễ, tri tự biệt ư cầm thú (lấy lễ dạy người khiến người ta ai cũng biết lễ, để tự phân biệt mình với loài cầm thú) (Kinh Lễ - Khúc lễ . Thượng)

Vậy phải xem "lễ" là nét đặc thù của loài người và "lễ" sẽ trở thành nét dị biệt của từng nền văn minh. Con-người, khi sống thành tập đoàn phải đồng thuận về những phép tắc để sự giao dịch với nhau được tốt đẹp. Cách chào hỏi, cách đứng ngồi kể cả cách cùng nhau vui chơi, ăn uống cũng phải làm thế nào để "người này", nếu không làm vui lòng được thì cũng tránh làm mất lòng "người kia". Cung cách, phép tắc ấy dựa trên nguyên lý nào? Tất nhiên, khi muốn sống vui vẻ "hoà bình" với nhau, loài người không thể dùng cung cách "lý của kẻ mạnh" nhưng bằng lề lối "giữ phần hơn bằng nụ cười". Muốn được như vậy, ta phải tỏ lòng trân trọng người-kia (tha nhân, l"autre)" : đấy là "lễ".

1. Lễ theo tinh thần cổ truyền VN : Tâm linh VN

Nói đến tinh thần "cổ truyền", tất nhiên ta phải nghiệm xét cung cách của người dân, qua cách suy nghĩ, lối nhận định về đời sống, về cuộc sống được tiềm tàng trong ca dao tục ngữ. Từ xưa, người Việt-Cổ đã nghiệm thấy chỗ đứng (place, position) vật thể (matérielle) và tâm linh (spirituelle) của con-người giữa thiên nhiên, trong vũ trụ qua cụm chữ""đầu đội trời, chân đạp đất". Con-người có mặt giữa vạn vật, với "thế đứng (debout) bằng hai chân (bipède)" phải nhận lãnh cái nhiệm vụ làm gạch nối giữa Trời và Đất. Với ""thế đứng hai chân" ấy, con-người phải hiểu rằng mình sống chung với vạn vật, muôn loài nhưng có thêm cái trí tuệ và phần tâm linh. Để làm gì? Để tôn vinh cái danh tính ""con-người" của mình, khác với những vật vô tri vô giác, hơn những con-vật không có tâm linh. Cho nên tư duy của người Việt-Cổ cuộn

xoáy trong cuộc vuông tròn, đất trời. Trong mỗi câu nói, trong mọi ý nghĩ, người VN luôn luôn nhắc nhở đến "Trời" :

- nhờ trời mấy độ rày làm ăn khấm khá..., nhờ trời sức khỏe cũng khá tốt..., nhờ ơn trời, gia đạo cũng thuận thảo yên vui v.v...

- lạy trời, cầu trời cho được tai qua nạn khỏi.

- cám ơn trời...

Nói về thời tiết hằng ngày cũng vậy, người VN có cách nói riêng để tự nhắc nhở sự có-mặt của "ông-trời": trời nắng, trời mưa, trời lạnh, trời nóng, trời gió...

Người Việt-Cổ nghiệm thấy cái "ông-trời" ấy có rất nhiều quyền lực và, hoặc lộ liễu, hoặc ngấm ngầm, ông-trời xen vào đời sống của tất cả vạn vật và của riêng con-người. Cho nên, ta nghe người nông dân nói: lạy trời mưa xuống, lấy nước tôi uống, lấy ruộng tôi cày, lấy đầy bát cơm, lấy rơm đun bếp... trời nồm tốt mạ, trời gía' tốt rau; trời nắng tốt dưa, trời mưa tốt lúa...

trời cho chân cứng đá mềm...v.v.

Vậy, ông-trời làm cho "mưa nắng phải thì"là điều kiện tối cần thiết để cuộc sống của mọi vật được bảo đảm. Cái "mưa nắng phải thì" ấy rõ ràng có ảnh hưởng nhiều đến cuộc sống của con-người cho nên, gặp khi "trái gió trở trời", nó sẽ bị xáo trộn ngay và hậu quả không thể nào lường trước được. Những cuộc hạn hán, lũ lụt, bão tố xẩy ra hoặc định kỳ, hoặc bất thường là những "sự" (phénomènes) tự nhiên trong cái "thiên-nhiên" do "ông-trời" điều hành. Những hiện tượng tsunami, động đất, bão táp rùng rợn có hình thái của một cuộc tận thế xẩy ra trong năm 2005 này là những cách hành sử của "ông-trời" đối với con-người. Ngay cả cuộc sống xã hội của con-người, muốn cho được bình thường, không bị xáo trộn cũng cần đến sự bình thường của ông-trời, nếu không:

Trời làm một trận lăng quăng

Ông hóa ra thằng, thằng hóa ra ông.

Ngoài ra, còn có cái chuyện "chết" nữa. Sống đã như vậy, còn chết thì sao? Cũng thế! Chết là trở về với Trời. Chôn (trong lăng, tháp, tẩm) hay thiêu, con-người cũng vẫn "trở về với cát bụi", trở về với cái huyền diệu giữa vũ trụ để lại hòa nhập với sự sống của vũ trụ, với Trời. Cho nên, người Việt-mình nhìn cái chết như một "sự"-thường, do ý trời mà có :

Sống ở chết về

Trời gọi ai nấy dạ

Trời đánh còn tránh miếng ăn

Cái quyền lực của ông-trời ấy rất huyền ảo mầu nhiệm, đến cái mức độ bao la như một cái "lưới trời lồng lộng" bao trùm cuộc sống của con-người. Mặc dù:

trời sinh voi trời sinh cỏ, trời sinh trời dưỡng hoặc trời cho hơn lo làm, giàu nghèo có số (trời) hoặc sông có khúc người có lúc, không ai giàu ba họ, không ai khó năm đời

hoặc trời chẳng phụ ai

nhưng người Việt luôn luôn tự biết là mình sống với mối đe dọa của luật pháp của Trời.

Đối với người Việt-ta, "Trời có mắt" là một nguyên tắc đạo lý, đồng thời là một định hướng tâm linh.

a) Lạm bàn về Trời của người VN

Nói về đạo lý của người VN, những học giả chịu ảnh hưởng Âu Mỹ có cái thói quen "kỳ dị" xác định là : dân VN theo "đạo" thờ cúng ông bà và có tinh thần bái vật (paganisme)". Tinh thần tôn thờ cúng bái đủ loại thánh thần, hình tượng ấy là hình thức của mê tín dị đoan nên văn minh VN không đáng gọi là tiến bộ được, văn hóa VN cũng không có giá trị lắm!

Một số ít còn đi xa hơn với sự nhận xét là "đại đa số người Việt tự xem là phật tử cho nên có tinh thần phi-tín-ngưỡng (agnostique) hoặc "vô thần" (athée). Đấy là những nhận định rất nông cạn nếu không nói là sai lầm về tín ngưỡng (croyance) và tôn giáo (religion).

Điều sơ khởi cần đặt làm căn bản để nghiệm xét tâm linh của người Việt là vấn đề "thờ trời". Tại sao người Việt (cổ và kim) thờ Trời ? Trời của Tàu được gọi là Thượng Đế; Trời của Tây có rất nhiều tên. Còn dân VN vì xem Trời là một vị thần linh (Esprit) nên mới gọi là "Ông-Trời". Thờ Trời của dân VN là thờ thần linh (culte des esprits). Vì trong tâm linh của người Việt, "thần" có một ý nghĩa rất rộng, rất sâu và huyền hồ. Xin nói rõ hơn:

Khi Edward Burnett TYLOR nghĩ rằng "Thượng Đế là ý niệm sơ khởi của loại linh trưởng khi nhân hóa" (Dieu, (c"est) la première pensée du primate qui devient un homme), ông muốn nói rằng sự tôn thờ thần linh là sự nhận định tiên khởi về Thiêng Liêng (le divin). Thật ra, không hẳn chỉ có vậy. Theo J.C Barreau, "sự tôn thờ thần linh không những là lối nhận định tiên khởi về Thiêng Liêng mà còn là sự nhận định thiết yếu và truyền kiếp về Thượng Đế" (...l"animisme est une manière non seulement originelle mais essentielle et permanente de concevoir Dieu). Như vậy, sở dĩ Con-Người cần đến phương thức tôn thờ bái vật là để, qua hình thể của tượng, ảnh, có thể bám víu vào sự nhận thức về ""cáicó" của vô số những tâm linh phi-tâm-thức của con người. Còn nói là truyền kiếp là vì tinh thần tôn thờ thần linh vào thiên niên kỷ 3 này vẫn nấp lén ở đâu đấy trong mọi tôn giáovà tâm linh như bói bài, coi tử vi.

Đối với Đạo lý cổ truyền VN cũng vậy. Nguyên nghĩa của chữ "thần" là cái huyền lực giữa thiên nhiên - đặc biệt đối với Trái Đất, nơi con-người có mặt - làm cho ""sự sống" "luân chuyển xoay vần từ dương (sinh ra, lớn lên = sống) sang âm (chết) rồi từ âm sang dương. Cần ghi nhận ngay: theo vũ trụ quan Đông-phương, sự vật (phénomènes) hiện hữu (có) do sự chuyển vận của mối hòa hợp giữa âm và dương: huyền lực của sự sống. Cái huyền lực ấy do Trời chuyển vào con-người, muôn loài và toàn thể vạn vật. Khi cái huyền lực ấy sống đặc biệt rất mạnh trong một con-người nào hay một vật thể nào thì con-người hoặc vật thể ấy trở thành thần linh. Đấy là trường hợp của những hiện tượng thiên nhiên (sấm, sét, nắng, mưa, gió, tuyết..., một tảng đá cheo leo, quãng sông rộng sâu, cây đa cổ thụ...) và cả những con-người "đặc biệt" như các vị anh hùng liệt nữ và mọi người chết như ông bà tổ tiên. Người VN tôn thờ những "sự" (phénomènes) ấy vì đấy là những hiện tượng nằm ngoài sự hiểu biết (tri) của mình, làm xúc động sự cảm nhận (sensibilisation) của mình và trở thành rất thân thuộc với mình. Đấy là lối sống tinh thần, phần tâm linh của người VN...chính thống cổ truyền. Kiểu ý thức sự sống như vậy thường được xem là thấp kém (terre-à-terre) bởi những đầu óc hời hợt (nông cạn?) học đòi luận lý Âu Mỹ!

Trên kia, tôi dùng cụm từ "cái-ông-trời" vì Trời có thể là một sựvật như con-người, như ngọn lá, cánh hoa, vết rêu, phiến đá, hạt cát, biển rộng núi cao, rừng sâu, đồng ruộng, kể cả sấm, chớp, thời tiết. Vì, tuy Trời không hiển hiện dưới một hình thể riêng biệt, nhưng trái lại, Trời có mặt khắp nơi, trong sự cấu tạo của mọi hình thể (formes matérielles) và cả trong tâm linh con-người (spirituel). Người VN, vì phải làm quen với cách sống thoải mái với thiên nhiên, nghĩ rằng Trời là linh hồn của sự sống của các vật thể và gọi tắt cái huyền lực ấy là Ông-Trời.

Điều không thể nào phủ nhận là: Ông-Trời có thật. Đấy là một thực tế (réalité). Tuy là một thực tế nhưng Ông-Trời vô tướng, vô sắc, nằm ngoài tầm hiểu biết của Con-Người. Đạo giáo bảo là không biết là tên gì. Đạo Du-Già (judaisme) không cho phép đặt tên Ông-Trời và gọi tạm là YHVH, Yahvé hay Jéhovah. Đạo Thiên Chúa dùng Chúa Ba Ngôi (trinité) để nói đến Trời và bàn luận về những sự mầu nhiệm của "ông"

Trời. Các nhà khoa học cũng vậy. Tất cả đều đã bù đầu, đang vùi đầu nghiên cứu xem Trời là cái gì và hiện nay vẫn không xác định được rõ ràng nguồn gốc, phát sinh, thực thể của Trời, qua sự cấu tạo và các hiện tượng của vạn vật, vũ trụ, tâm linh.

b) Thờ Trời (+ Đất):

Nhìn lại đoạn đường của nhân loại đã đi qua từ ngày thâm u mới nhận biết "CóTrời" và xem đấy là một Cái-gì-Thiêng-liêng-Mầu-nhiệm (divin, mystique), ảnh hưởng rất lớn đến sự sống của vạn vật và cuộc sống của con-người, chúng ta sẽ thấy, từ ngàn xưa và khắp nơi,những dấu ấn sau đây :

- Ở Pháp: người Gaulois (Pháp-Cổ) xem Puy de Dôme (vùng Auvergne, cao 1465m) là một đỉnh núi thiêng liêng và xây dựng ở đấy một ngôi đền để thờ Toutatis, vị thần linh được tôn quí nhất. Vùng Auvergne được xem là nơi hội tụ tất cả nguồn sinh lực của Trời Đất ở nước Pháp.

- Ở Anh - Đối với người Celtes, dân tộc định cư đầu tiên ở Anh, thì ngọn đồi Glastonbury (vùng Somerset, phía Nam nước Anh) là ngưỡng cửa đi vào "Thế-giới-bên-kia". Người nguyện cầu thành khẩn thiền hành theo con đường vòng xoắn quanh ngọn đồi lên đến đỉnh đồi sẽ được hòa nhập với sinh khí vũ trụ.

- Ngôi đền thờ Mặt Trời Samash ở Hatra (Irak), vách đá đỏ Sedona ở vùng Phoenix (Arizona, Bắc Mỹ), đền Tijal, Palenque ỏ Chiapas (Mễ), tượng đá Ko Te Rikou ở đảo Pâques hay Kim tự tháp ở Ai Cập đều là những kiến tạo của con-người để kết nối mình với huyền lực vũ trụ.

- Ở VN, không có những kiến trúc đồ sộ như ở những nơi vừa kể nhưng việc tôn thờ các thần linh vẫn được tổ chức trong những đền đài xây dựng rải rác khắp nơi trong nước: đền Kiếp Bạc thờ Trần Hưng-Đạo ở Chí Linh, đền Yết Kiêu, đền Công thờ Thục An Dương-vương ở Nghệ an, điện Hòn Chén ở Thừa Thiên thờ Mẹ Xứ Sở A Na Thánh Mẫu, đền Bà Chúa Xứ ở Núi Sam (Châu Đốc) v.v...

B. Tại sao có lễ?

Theo Thánh Saint Augustin, "Thượng Đế tôn vinh phẩm hạnh của con-người để hoằng dương đức độ của Ngài" (Dieu ne fait que couronner ses dons quand Il couronne nos mérites), nghĩa là con-người phải hiểu rằng "những gì hay, tốt của mình đều do Thượng đế ban phát". Vậy con-người phải "nhớ ơn Trời" đã đặt mình vào cuộc sống, giữa vũ trụ vạn vật. Và con-người phải sống xứng đáng với "Ý Trời". Khi hiểu như vậy con-người sẽ biết thế nào là giá trị của lòng biết ơn - biết ơn Trời, biết ơn người - và sẽ có lòng khiêm cung, có tinh thần trọng lễ độ. Con-người không có ba đức hạnh căn bản - để làm người - ấy sẽ "tự đào hố chôn mình"!

Ý trời, lòng trời, số trời, mệnh trời, trời có mắt đều là cách nói đến quyền lực của Trời dẫn đến nguyên tắc đạo đức:lòng biết ơn. Khi con-người "sống" giữa thiên nhiên, vạn vật, trong lòng vũ trụ và "sống" ở đời, trong cảnh giới xã hội với lòng biết ơn, con-người sẽ hiểu được sự cần thiết phải tôn trọng sự sống (la vie, sự hiện hữu) và người khác (l"autre, tha nhân): đấy là nguyên lý của Lễ.

1. Lễ VN:

Do nguyên lý ấy, dân Việt-Nam-tacó tinh thần "thờ thần linh"(culte des esprits).

Người Việt-Cổ hiểu Lễ như vậy. Con người sống trên một mảnh đất nào cũng vậy, bắt buộc phải có cái vị thế "đầu đội trời, chân đạp đất". Cái vũ trụ bao bọc con người gồm có cái phần trên đầu với những năng lực thiên nhiên, thời tiết ; bao quanh mình, dưới chân mình có các vật thể thiên nhiên. Trời và Đất là hai thế giới vật thể thiên hình vạn trạng giúp đỡ, chăm sóc sự sinh tồn cho mình. Con-người sống tách rời khỏi môi trường ấy sẽ tự hủy diệt.

Tâm lý "nhờ trời, trời sinh voi trời sinh cỏ" do đấy mà rạ Lý thuyết : Bĩ cực thái lai, lộc trời, mệnh trời là kết quả của sự nghiệm xét những hiện tượng (phénomènes) thiên nhiên. Cả đến đạo đức của con người, dù là lòng oán thiên vưu nhân hay tâm lý thụ ân thiên địa, cũng nằm trong sự cảm nhiệm cái huyền lực của "trời đất" cả. Sự cảm nhiệm ấy giúp con-người biết trân trọng sự sống, khiến con-người phải sống theo lẽ trời, phải biết tôn thờ thần linh trời đất. Khi nhắc nhở bổn phận "làm người"chung cho cả hai phái nam nữ (phấn son, bút nghiên) nhà Việt-Nho Nguyễn Trãi pha trộn một số lý thuyết căn bản, một số từ ngữ quen dùng của nho sĩ vào ngôn ngữ của ta để nói đến "đạo trời, lẽ trời":

- Hết bĩ rồi tới buổi thái lai

Cầm cân tạo hóa đổi dời

- Vận thịnh suy có mệnh (trời)

Đạo quỉ thần thì kính viễn chi

2. Lễ theo kinh sách

a) Nho giáo :

Nho giáo giải thích thuyết "thiên nhân tương dữ" dựa trên nguyên lý "vạn vật đồng nhất thể" và dùng Kinh Dịchđể khuyên bảo người hiếu-biết (thánh nhân) rằng: đạo nghĩa của Người phải tuân theo đạo lý của Trời. Cho nên khi phải lo việc trị dân (lo cho người, hành xử với người) phải áp dụng nguyên tắc:

Minh ư thiên chi đạo nhi sát ư dân chi cố (làm rõ đạo trời để hiểu nguồn cơn của dân).

Nói cách khác, con-người sáng-suốt (thánh nhân) phải hiểu là: Thiên thùy tượng, hiện cát hung (thì) thánh nhân tượng chi (trời bày ra hình tượng, hiện ra tốt xấu (thì) thánh nhân phải suy nghĩ theo đó). Thuyết "thiên nhân tương dữ" giúp con người hiểu vai trò, địa vị của mình giữa trời đất (tam tài = thiên, địa, nhân, trời, đất, người), trong vũ trụ và phải phục tòng thiên mệnh không phải là cái "mới lạ, cao siêu" của Nho giáo đem lại cho tâm linh, đạo đức của tạ Lý thuyết "con-người phải sống hợp với ý trời, phải hòa hợp với Trời (vạn vật, vũ trụ)"(hệ luận của thuyết tam tài của Nho học) đã được người Việt-ta nhận xét với những thành ngữ: đầu đội trời, chân đạp đất, trời che đất chở...từ xưa rồi.

Từ sự nghiệm xét ấy, dân Việt nghĩ rằng con-người phải có đạo nghĩa bởi vì ""ai" cũng có cha có mẹ chứ không phải từ dưới đất chui lên. Mà đạo nghĩa là gì nếu không hiểu là phải tỏ lòng biết ơn, biết tôn quí Người (Trời, cha mẹ) đã "sinh" ra mình!

b- Đạo giáo cũng vậy. Triết lý của Đạo Giáo được thu gọn trong lý thuyết: Lẽ-Trời là Đạo. Cho nên, Lão tử và các môn đệ bàn về cái khôn của Con-Người là "biết sống", là tránh "không làm" (vô vi) những điều có thể tiêu hao cái bình thản, trầm lặng của tâm hồn. Tại sao? Trong chương 40 của Đạo-Đức-Kinh, Lão tử nhận định : thiên hạ vạn vật sinh ư Hữu, Hữu sinh ư Vô (Mọi vật trong thiên hạ sinh ra từ Có, (mà) Có sinh ra từ Không). Bất cứ ""sự" hay ""vật" (hiện tượng) nào cũng phải theo cái luật ""có, không" ấy cả . Vũ trụ, vạn vật được tồn tại, điều hòa là nhờ cái luật ấy. (toàn nãi thiên, thiên nãi đạo, đạo nãi cửu = toàn vẹn là trời, trời là đạo, đạo là dài lâu) Như vậy thì con-người muốn sống cho đúng cách, hợp lý thì phải nghĩ như vậy, làm như vậy nghĩa là phải giữ cho đời sống được êm đềm, hiền hòa . Muốn được vậy thì phải ""phục phác", trở về với sự sống hồn nhiên, thoải mái, tránh xen vào những chuyện vô bổ ở đời, chạy theo những chuyện vớ vẩn (đạo lý) của con-người bày đặt ra.

Đạo giáo đặt nặng vấn đề "vô vi" cũng không khác gì người VN thường khuyên người đời nên tránh những ""rắc rối cuộc đời", nên chuộng nhànvới nguyên lý : Tay trắng hoàn trắng tay. Cái nguyên lý ấy giúp người VN bớt đau khổ khi phải sống những cuộc đổi dời biển dâu giữa thiên nhiên và trong cuộc đời.

c) Phật giáo nghiệm xét vấn đề sự liên hệ giữa Người và Trời qua phần tâm linh của con người nên thiết lập một quan niệm về cái nguồn gốc và cái mai sau của Nó rất khác biệt. Vật-thể-Người có mặt trong Trời Đất (Vũ Trụ) SỐNG như thế nào? Nó được sung sướng, vừa ý không? Khi dùng nguyên lý "vô thường" (sắc tức thị không, không tức thị sắc) về sự hiện hữu các sự vật (pháp - phénomènes), Phật học chỉ nhằm mục đích giải quyết vấn đề "sống hạnh phúc" của con-người: nếu "sự sống" không làm cho ta thoả mãn vì ta bị đắm chìm trong biển khổ thì ta phải tìm lối giải thoát. Con-người chỉ có thể tự giải thoát bằng cách tiêu diệt dục vọng , nói rõ là bằng cách suy nghiệm đúng đắn về cảnh giới vật thể (le monde des phénomènes) để hiểu rằng "tất cả mọi chuyện đều không có thật, đều do mình tạo ra cả". Khi đã tự giải thoát được rồi, con-người sẽ sống trong một "cảnh trời" khác, tự do thoải mái, an nhiên tự tại gọi là niết bàn (nirvânâ).

d) Các tôn giáo độc thần : Đối với các tôn giáo độc thần, Thượng đế, Trời có một khuôn mặt rõ ràng. Đạo Thiên Chúa xem Jésus là hình ảnh của Trời. Trong khi Ba Ngôi là biểu tượng của Trời hiện hữu giữa nhân loại thì Jésus là Trời bằng thân xác, là Tiếng Gọi của Trời. "Hãy thương yêu nhau", đấy là ý muốn của Trời. Cái siêu việt của Thiên Chúa giáo là sự hóa thân của Trời theo nhận định của Grégoire de Naziance: Trời hiện thành người để người hợp với Trời (Dieu s"est fait homme pour nous faire Dieu". Con-người là hình ảnh của Trời. Chung chung, qua kinh sách, ta nhận thấy các triết lý, tôn giáo đều đặt vấn đề "ý nghĩa của sự hiện hữu của con-người". Con-người phải tìm lời giải đáp cho nghi vấn ""sự có mặt của mình" giữa vạn vật, trong vũ trụ. Đấy là một vấn đề tâm linh rất bí hiểm, nhiêu khê có thể thúc đẩy con-người "làm" những điều lầm lỗi, không hợp với ý trời. Cho nên, vấn đề "lễ" được đặt ra để giúp cho cuộc sống chung trong xã-hội-người, cộng-đồng-người bớt hỗn loạn... một phần nào.

Tóm lại, Lễ là tôn kính Người, là sống hòa hợp với Trời. Nghe có vẻ giản dị nhưng mấy ai có đủ sáng suốt để thực hiện cái ""hạnh" ấy. Cho nên, Lão-Đam đã thốt lên lời than""ngã độc dị ư nhân" (...mình ta khác với mọi người, ch.20, Đạo Đức kinh)!

II. Lễ phép : Cung cách của sự bang giao

A. Cổ truyền : Từ ý niệm "tôn kính trời", người Việt-Nam dùng sự hòa hảo (vui vẻ, dễ thương) để "sống" ở đời, với người. Quan niệm này được Nguyễn Trãi nhắc đến trong "Gia huấn ca":

- Ở đời có đức có nhân

Mới mong đời trị được ăn lộc trời

- (Hiền lành) lấy tiếng với đời,

Hễ người yêu dấu là trời hộ ta

- Đạo vợ chồng là duyên kim cải,

Vốn trời sinh bể ái nguồn ân

Văn minh VN dùng thành ngữ "Ở hiền gặp lành" để giải thích một cách gọn gàng, rành rẽ và rất đầy đủ về triết lý "SỐNG". "Ở hiền" là sống theo ý trời, là phải có lòng biết ơn, phải có hạnh khiêm cung để, trước mắt, một cách thực tiễn và trong thực tế, làm cho cuộc sống ở đời được hòa hảo. ""Gặp lành" là được yên thân, nói rõ hơn là được sung sướng, hạnh phúc.

1. Lễ phép thông thường

Về nguyên tắc này, nho-giáo nói là : "cung kính tôn tiết, thối nhượng dĩ minh lễ (lễ thì không vượt quá tiết độ, không xâm phạm người khác, không khinh thường người khác" còn dân Việt xác định rất giản dị bằng châm ngôn "kính trên nhường dưới" để sống ở đời, với người. Vậy:

a- Trong sự giao dịch với người khác,vấn đề giao hảo theo truyền thống VN được tóm gọn trong mấy chữ ấy. Kính trên và nhường dưới đem lại cho "ta" sự an vui vì, ta không làm buồn lòng người-kia (l"autre) thì ta cũng sẽ được người-kia quí trọng, thương mến. Đấy là trò đời. Trò đời cốt yếu ở lẽ phải "có qua có lại". Nó cũng giải thích được tại sao tục ngữ của ta "dạy khôn" bằng những phương thức rất giản dị và thực tiễn : nụ cười không mất tiền mua

ở bầu thì tròn, ở ống thì dài

ở phải cái phải nó theo

b) Cách nói năng : (ngôn ngữ) Có lẽ không có dân tộc trên thế giới có một loại ngôn ngữ "lễ độ" như Việt-Nam-ta.

Trong cách nói năng, người VN dùng phép "gọi dạ bảo vâng" để xác định cách "đáp lại" (réponse) sự giao tiếp sơ khởi của người-kia (l"autre) : khi nghe gọi, người VN "dạ"; nhưng để xác nhận mình đã thâu nhận lời nói của người đối diện, người VN "vâng". Tất nhiên đấy là cung cách lễ độ đối với người "trên" mình, nhưng nếu đem áp dụng cho người ngang hàng, ngang trang ngang lứa, có lẽ cũng không quá lố, không...thừa. Trong ngôn ngữ, nhất là lúc nói chuyện, người VN thường dùng chữ "dạ" hoặc "thưa" để lời nói của mình có lễ độ hơn. Ví dụ : để trả lời, chúng ta nói "dạ không, dạ có" hoặc " thưa không, thưa có" chứ không nói trống không "có" hoặc "không". Thiếu "tiếng đệm lễ độ" dạ, thưa ấy, cách nói năng trở thành lấc cấc, có thể bị xem là vô lễ, mất dạy.

Do đấy, cách dùng chữ "ơi" trở thành tế nhị vô cùng. Chữ "ơi" để đáp lại tiếng gọi phải được sử dụng thật khéo léo và khi đem dùng làm "chữ đệm" (mot coussin) trong sự hô khởi (apostrophe) cũng phải tránh nét châm biếm.

Nói tóm lại, cách nói năng có lễ độ, vui vẻ, dịu dàng, cộng vào lối xưng hô đúng phép tắc của người VN nên được xem là văn minh tiến bộ hơn lề lối "công dung ngôn hạnh" của Nho giáo. Những gia đình trưởng giả, thượng lưu muốn tỏ ra mình "nho phong cao cấp" hơn, thích đòi hỏi khi nói chuyện phải "bẩm", phải "trình" để làm tăng thêm sự trang trọng. Lề lối này dễ "đẩy" con-người đến tinh thần phong kiến lạc hậu, phản dân chủ. Vậy tại sao ta phải ngượng với cách ăn nói "dễ nghe" thuần túy VN, tuy bình dân nhưng rất lễ độ ấy?

c) Cử chỉ, đứng ngồi, cách chào hỏicủa ta cũng dựa trên lề lối cung kính, khiêm tốn, hòa nhã. Sự nhường nhịn là căn bản của lòng trân trọng người khác nên rất cần thiết trong lễ phép của tạ Vì vậy :

"Ăn trông nồi" không phải là ý tứ của người dân nghèo không đủ cơm ăn nhưng là phép tắc dành cho bậc trưởng thượng trong gia đình đối với con cháu, kể cả những người "đầy tớ".

"Ngồi trông hướng" làm căn bản cho phép tắc "khuynh cái, hạ mã" của người nho sĩ - nhất là hạng hiển nho - biết cẩn trọng sự khiêm cung.

Lúc gặp nhau, để chào hỏi, người VN (cổ truyền) cất nón, cúi đầu, vái chào là đủ, chứ không vái lạy vì lạy để dành cho thánh thần và các bậc tiền nhân đã khuất. Cũng không phủ phục (nằm mọp xuống đất, trán chạm đất) như các quan chức chào Vua (là người được giữ chức vị thiên tử)

Trong sự kính trọng người khác, người VN có một phương châm rất "cao cấp" phải áp dụng khi muốn tỏ ra đã "nghe" (hiểu ý = quí trọng) người khác :

Biết thì thưa thốt, không biết thì dựa cột mà nghe.

Phương châm này của ta dễ hiểu, dễ áp dụng vì chứa đựng lời răn dạy phải từ tốn, chân chất (thưa thốt) và kính trọng lời nói, ý tứ của người khác (dựa cột mà nghe). Về sau nho giáo đem vào ngôn ngữ, văn

chương câu châm ngôn "tri chi vi tri chi, bất tri vi bất tri, thị tri dã" để nói, bàn về cách thức, ý nghĩa của sự "biết"

- cũng để nói về "lễ" - làm cho mọi người suy nghĩ lung tung, cãi cọ lộn xộn quá!

* trang phục phù hợp với lễ nghi : người Việt, từ ngàn xưa đã biết phân biệt cách ăn mặc (trang phục) hợp thời, hợp cảnh nghĩa là nằm trong khuôn khổ lễ phép.

Khi làm lụng, người nông dân, hạng thợ thuyền, nói chung là người bình dân mặc áo ngắn (áo cánh, bà ba vạt ngắn) quần dài. Người phụ nữ mặc áo dài tứ thân chít khăn, có yếm, mặc váy hoặc quần dài, ít khi mặc áo cánh... Lúc hành lễ, khi đi thăm viếng ai, người Việt dùng trang phục chỉnh tề : áo dài, đội khăn. Các quan chức mặc phẩm phục hoặc triều phục để tăng lòng tôn kính. Trước công chúng, khi đón tiếp khách, người VN đàn ông không cởi trần, áo thun ba lá, đàn bà không áo quần xốc xếch, hở hang.

Trang phục chỉnh tề là phong cách của người biết tôn kính người-khác.

2. Đối với trời đất quỉ thần, người đã khuất: Do tinh thần tôn thờ thần linh, người Việt rất cẩn trọng việc thờ cúng thánh thần, tổ tiên. Làng nào cũng có ngôi đình làng trong ấy, ở chính gian giữa, có thiết bàn thờ của vị "thành hoàng" đã có công xây dựng lập làng, sáng lập nghề nghiệp cho dân làng. Nhiều làng có đặt thêm bàn thờ các anh hùng, liệt nữ (nhân thần) nếu không có đền thờ riêng như : Thánh Gióng (Phù Đổng thiên vương), Hai Bà (Trưng), Yết Kiêu, đức Thánh Trần v.v...

Gia đình nào cũng có bàn thờ tổ tiên đặt chính giữa nhà. Trên bàn thờ có bài vị hình ảnh những người thân quá cố. Mỗi năm, đến ngày húy kỵ, con cháu ở khắp nơi cố gắng thu xếp công việc làm về tụ tập ở nhà từ đường để làm lễ tưởng niệm công đức của ông bà tổ tiên .

a) Việc thờ cúng, tế lễ phải được tổ chức nghiêm cẩn : tất cả con cháu đều phải đến trước bàn thờ thắp nhang, vái lạy và trong buổi lễ, không được nói chuyện, đùa giỡn ồn ào. Để giúp cho sự tưởng niệm, những món ăn thức uống được làm (lại) để cúng phải là những thứ người đã khuất thích dùng chứ không phải món của con cháu thích.

Đối với Trời, Vua phải tổ chức long trọng Lễ Tế ở đàn Nam Giao tại Kinh Độ Vua và quan, trước ngày lễ phải tắm gội, trai giới để thân tâm được tinh tấn.

b) Các hội hè đình đám là những cuộc vui chung được tổ chức nhân dịp tế lễ tưởng niệm công đức của các vị thành hoàng hoặc anh hùng liệt nữ. Tục lệ cổ truyền VN ghi nhận những ngày hội địa phương như :

- Kiếp Bạc (18 đến 20 tháng 8 ta) ở Chí Linh có hội đua thuyền, bơi trải.

- vật võ ở Liễu Đôi, ở Làng Sình ở Phú Vang (Thừa Thiên)

- chọi trâu (mồng 8 th áng 9 âl.) ở Đồ Sơn (Hải Phòng)

- đu xuân (28 tháng Chạp) ở Thủy Nguyên

- đua thuyền (mồng 6 tháng Giêng) ở đảo Cát Bà (Vịnh Hạ Long)

- thả diều, thổi cơm được tổ chức ở nhiều nơi trong nước

vân vân

B. Lễ nghi

Tất cả những tập tục, cung cách đều xây dựng trên nguyên lý ""nhớ ơn Trời" và tinh thần "kính trên nhường dưới" nghĩa là để nhắc nhở ta phải tỏ lòng kính trọng người khác, bắt đầu bằng ông-trời đến thần thánh, ông bà tổ tiên và các bậc sinh thành. Ngày trước, các nho sĩ muốn áp đặt phép tắc của mình học được của Tàu nên đem thể thức trong ""Thọ Mai gia lễ" vào việc quan, hôn, tang, tế của ta, làm cho lễ nghi rất rườm rà, mang nặng tính cách phong kiến. Nhưng đại chúng VN chỉ giữ những tập tục chính trong việc hành lễ mà thôi. Chung chung, người VN chỉ chú trọng việc hành lễ nghiêm cẩn trong những dịp giỗ chạp.

1. Hành lễ : Hành lễ là cách thức liên hệ với thần linh. Cách thức hành lễ gồm cónhững giai đoạn chính :

- lên đèn, thắp nhang và cáo thỉnh : mời tổ tiên

- cúng: bày lễ vật, hoa quả, thực phẩm (được chọn với lòng tưởng nhớ chân thành)

- lễ: khấn, vái, lạy (một cách cung kính, cẩn trọng).

- cáo trình : lễ tất

2. Phân biệt trong cách hành lễ :

- Gia trưởng (thông thường là trưởng nam) tổ chức lễ tưởng niệm (giỗ) tại từ đường và làm chủ lễ. Gia trưởng làm lễ trước, tiếp theo, không phân biệt nam hay nữ, mọi người đều phải lần lượt theo thứ bậc trong gia tộc đến làm lễ trước bàn thờ tổ tiên.

- Thể thức lạy và vái: đối với cha mẹ còn sống, người chết chưa chôn (2 lạy) - tổ tiên, người đã khuất (4 lạy) - Phật (3 lạy, tượng trưng tam bảo Phật, Pháp, Tăng) - Trời trong lễ Tơ Hồng, Vua của các triều thần, Tổ Hùng Vương (5 lạy, tượng trưng Ngũ Hành) Khi lạy xong, luôn luôn phải vái (chào) ba lần.

C. Ảnh hưởng ngoại lai:

Ngày trước, theo kiểu nói vơ vào của mấy nhà văn học và sử học chịu thần phục Nho giáo vì khiếp sợ Tàu thì nếu người Việt-mình trở thành văn minh, đấy là nhờ công khai hóa của Tích Quang, Nhâm Diên, Sĩ Nhiếp v.v. Rồi về sau này, cũng vì quen tôn vinh ngoại bang, ta lại nghe xác nhận là nhờ có Đại Pháp đến khai hóa nên Việt-Nam-mình mới biết đến chữ thiện, chữ nhân trong tinh thần Thiên Chúa. May mà Nhật chỉ ghé qua đất nước VN thoáng qua vài năm thôi và Hoa Kỳ cũng chỉ tạt ngang qua Miền Nam VN trong một hoàn cảnh chính trị ngắn ngủi thôi, chứ không thì, văn minh VN cũng sẽ là con lai của Thần giáo (shintoisme) và người VN cũng trở nên con cháu của Thái dương Thần Nữ.

Điều đáng phiền lòng là người làm văn học Việt thường mù quáng vọng ngoại, quen cúi đầu chấp nhận lời dạy dỗ của những "bề trên đến cai trị" nên, về cái vấn đề "lễ, tôn thờ trời" xưa cổ này của ta, hết chấp nhận sự siêu đẳng của Nho giáo Tàu đến thần thánh hóa văn minh Âu Mỹ, Nga và văn hóa VN bị các vị học giả ""tiến bộ" ấy xem như một mớ xà bần, đất cát vôi vữa hổ lốn, không cấu tạo được cái gì gọi là đặc thù Việt Tính, văn hóa dân tộc cả ! Sự sai lầm ấy sẽ kéo theo những sai lầm khác. Cái sai lầm lớn nhất là, nhân danh tinh thần dân chủ, tiến bộ, chữ "lễ" bị đánh giá rất thấp :

1. Tinh thần trọng lễ, vấn đề lễ nghi, lễ phép bị xoi mòn, hủy hoại :

""Người Việt xấu xí"mắc một thứ bệnh trầm kha : tinh thần vọng ngoại. Bất cứ thứ gì của nước ngoài đều được xem là tốt, là quí hơn những sản phẩm địa phương, từ hoa quả đến vải vóc, lụa là, đồ sứ, đồ đồng...

Về phương diện văn hóa văn minh, ngày xưa ""các cụ" chỉ biết nấu sử sôi kinh Tàu, chuyên tâm học hỏi tư tưởng Khổng Nho qua tứ thư, ngũ kinh chứ không chú trọng đến lịch sử dân tộc, am tường cách tổ chức an sinh xã hội. Cái siêu đẳng, cao cấp của văn hóa, văn minh Tàu là kim chỉ nam trong tư duy của các cụ. Trong khi ấy, trên tinh thần tự chủ, độc lập, các cụ không quan tâm đến việc chính thống hóa lịch

sử, văn hóa của tạ Trong khi ấy, chữ nôm là một phương tiện tuyệt diệu để việt-nam-hóa tư duy thì bị các cụ đánh giá là "nôm na mách qué"!

Đến lượt các nhà tân học cận kim và những người Việt có tây học của thế kỷ 20, tâm lý "tôn vinh ngoại bang" ấy cũng không thay đổi bao nhiêu. Tuy tầm mắt được mở rộng, nhìn xa hơn nhưng tinh thần vọng ngoại cũng không đem lại cái gì thực sự bổ ích, hay hơn văn hóa của tạ Từ ngôn ngữ, trang phục đến lễ phép, tập tục, văn mỹ nghệ, mọi thứ đều cố sức bắt chước "Tây". Mẫu mực hạnh phúc, được tóm gọn trong mệnh đề""cơm Tàu, giường Tây, vợ Nhật", nói lên sự thấp kém của lý tưởng sống của người VN thoát ly khỏi sự áp chế của tinh thần phong kiến hủ nhọ Không ai nhận xét là cơm Tàu nhiều chất mỡ, nặng bụng, không ai than là giường tây (có lò xo) sinh đau lưng, nhức mỏi, không ai hiểu rằng vợ Nhật dịu dàng, hiền ngoan, xinh đẹp khi quì gối để mời khách dùng trà cũng không hơn gì vợ VN đẹp vì rất kín đáo (ngày xưa) trang trọng (ngày nay) khi đón tiếp khách đến nhà!

Đi vào vài chi tiết khác làm ví dụ về sự nghịch lý, bất ứng, chúng ta nhận thấy là :

- mọi người đều tưởng rằng cái ""bắt tay" hay hơn lối cúi đầu, vái chào

- mặc bộ đồ tây gồm có áo sơ-mi tay dài, áo vét (veste) vải dày, tốt, cổ thắt cà-vạt, dù tạo nhiều bất ổn cho dân xứ nóng, cũng vẫn xem là bộ đồ vía và trông nó sang trọng hơn bộ áo quần dài của tạ

- sự ăn uống với bánh mì bơ sữa, bít tết rượu vang, cuộc sống tối sâm-banh sáng sữa bò mới là cách dưỡng sinh tốt. Thật ra, đối với người dân xứ nóng và đối với riêng dân VN vì không chuộng việc nuôi bò nên ít ăn thịt bò và rượu-đế mới thích hợp với thịt heo.

- ngôn ngữ của ta bỗng nhiên thành "ba rọi" vì sự diễn ý bằng tiếng Việt thuần túy, do áp lực của ngôn ngữ ngoại quốc - có lẽ do tinh thần tôn vinh ngoại bang nữa! - trở thành khó khăn, bất tiện ! Không ai nghĩ rằng sự khó khăn ấy biểu hiện cho trình độ thấp kém về chữ nghĩa VN.

Còn nhiều vấn đề khác nữa, không thể mổ xẻ hết và ngắn gọn được. Trước mắt và không quá trễ, chúng ta phải suy nghiệm lại mọi mặt của vấn đề văn minh văn hóa của ta để nghiệm xét đứng đắn giá trị của chữ "Lễ".

2. Thói kiêu căng (arrogance) là thái độ trí thức (comportement intellectuel) được xem là tân tiến (progressiste). Do tinh thần duy lý mới học được qua văn minh khoa học kỹ thuật Âu Tây, người Việt cận kim thường phạm một lỗi lầm rất lớn khi nhận thức giá trị của sự vật và cuộc sống. Khoa học thực nghiệm tiến rất nhanh về lãnh vực xét nghiệm bề mặt, phía ngoài của sự vật nhưng còn rất non kém về địa hạt tâm linh, phần nội tại của nó, nhất là của con-người. Mà địa hạt tâm linh mới thật là phần chính của vấn đề ""người". Tuy nhiên, phần đông những người có chút ít tân học, tây học thích dựa trên số vốn liếng không mấy sâu rộng của họ vẫn huênh hoang cao giọng chỉ trích mỉa mai văn hóa, văn minh VN mà họ chỉ hiểu biết mang máng. Dựa vào tinh thần tiến bộ, những đầu óc "mới" ấy thường có chung một phản ứng khi nói đến "lễ": xác nhận gía' trị văn hóa VN là một thái độ trí thức lỗi thời, phản tiến bộ, phi dân chủ.

Đối với "Lễ", đặc biệt về việc hành lễ, trong khi người trong cuộc thì lăng xăng, nghiêm trọng, đám tân học tự xem là người ngoài cuộc, nếu không chen chúc đứng xem để chế riễu thì bĩu môi cho rằng đấy là những chuyện hoa hòe hoa sói (parade) tốn kém, vô bổ mà những ông ""thầy cúng, thầy tuồng" bày ra để tự tôn vinh giai cấp thống trị của mình. Thái độ trí thức này phản ánh một tinh thần tiến bộ kiêu căng nông cạn, mù quáng, không định hướng. Thái độ này là mầm mống của tinh thần vô thần, thích báng bổ thánh thần, thích châm biếm tín ngưỡng. Thái độ này - bất tri (nhưng) vi tri chi, lưỡi gỗ, lộng ngôn - đối nghịch với tinh thần

""Lễ" của ta:

Biết thì thưa thốt

Không biết thì dựa cột mà nghẹ

3. Căn bệnh thời đại chung (le mal du siècle) : Bên cạnh thái độ trí thức tai hại nói trên, người Việt cận kim còn mắc phải căn bệnh thời đại: tinh thần thích hưởng thụ, chuộng vật chất.

Đời sống mới là cuộc chạy đua với thì giờ (course contre la montre): con người của thời đại mới (hậu thế kỷ 19) phải năng động, phải tất bật mới hòng chiếm nắm sự sung túc. Sống trong vũng lầy của phong trào toàn-cầu-hóa, con-người-mới không thể sống bằng triết lý "tri túc, tiện túc" để tinh thần được thoải mái, cuộc sống được sung sướng an nhàn theo ""kiểu xưa" nữa. Con-người-mới hiểu hạnh phúc là tận hưởng cuộc đời. Cho nên sự hưởng thụ không nên bị giới hạn. Cho nên con-người-mới biết sống là phải chấp nhận cả tứ đổ tường, biết chấp nhận giá trị của sự vượt-giới-hạn, sự phi-đạo-đức. Chúng ta không lấy gì làm lạ khi con-người-mới có quan niệm về chân thiện mỹ khác như vậy thì họ bị kéo ra khỏi vấn đề tâm linh.

Nói như vậy để kết luận nhanh chóng rằng giá trị của ""Lễ" bị xoi mòn tận gốc rễ. Căn bệnh này khó tìm thấy thuốc chữa vì không người bệnh nào muốn chữa cả!

IV. Kết luận

Trong khi tôi viết những giòng chữ này, thiên hạ đang nô nức sắm sửa Lễ Giáng Sinh. Một số hội đoàn cũng đang hoàn chỉnh việc tổ chức "ăn tết"... cổ truyền. Cho nên tôi mời bạn đọc nghĩ đến ""Lễ".

Cuộc sống ở xứ người đã nhiêu khê lắm rồi mà con-người chỉ trông đợi những dịp như hiện nay để hưởng cái vui Thật vậy, chọn lựa được món quà vừa ý (đẹp, tốt mà vừa túi tiền) cho con cháu là một niềm vui lớn. Tìm được "một-ngày-để-ăn-tết-chung" là cất được một mối lo nghĩ không nhỏ. Vậy cuộc vui phải được trọn vẹn. Và tôi không được quyền làm kẻ ""phá thối" (rabat-joie).

Tuy nhiên, tôi nghĩ rằng chúng ta có thể làm một cái gì đấy, nhỏ nhoi giản dị thôi để cuộc vui được trọn vẹn, nghĩa là cuộc vui phải có một ý nghĩa. Nói rõ thêm là nếu lúc nâng ly có thêm lời chúc nặng ân tình, nếu cuộc hành lễ nửa đêm hay giao thừa được làm trong hân hoan phấn khởi để tính yêu trời, tình yêu người, yêu đời được rõ nét thêm thì cuộc lễ sẽ in dấu đậm đà trong tâm hồn của chúng ta.

"Làm một cái gì đấy" là để bảo vệ giá trị của ""lễ" nghĩa là đừng để cho ""lễ" bị suy thoái rồi bị tiêu hủy luôn. Đến lúc ấy thì chúng ta sẽ là cái gì? Nhà văn Thụy-điển Albert Engstrom, trong tập biên khảo về "Lễ phép", nhận định rằng "Cũng như đối với mọi giá trị, khi lễ phép bị suy thoái, con người phải lo bồi dưỡng nó lại".

Sự suy thoái mà Engstrom nói cũng là mối lo của Marcel Proust khi nhận thấy trong các xã hội "dân chủ bình đẳng", lễ phép bị triệt tiêu như một loại tín dụng (fiduciaire).

Thật vậy! Chúng ta phải hiểu rằng : trong khi lễ-phép - cũng giống như sự thẩm vị - là nét đặc thù của một nền văn minh, thì, nếu chúng ta để mặc cho tinh thần bình đẳng dân chủ gọi là tiến bộ làm cho lễ-phép càng lúc càng suy thoái, lòng tôn kính kẻ-khác sẽ bị tiết giảm rất nhiều, sự tôn kính kẻ-khác sẽ bị xem là vô ích hoặc bị tiếp tục đánh giá là "lỗi thời". Khi chữ "lễ" bị coi thường, khi lễ phép bị tiêu hủy thì trật tự xã hội bị xáo trộn, đạo nghĩa làm người cũng sẽ bị hủy hoại theo. Những hành động vô kỷ luật ở học đường, những cuộc bạo động thường bùng nổ dữ dội không phải do lòng bất mãn mà có. Thật ra đấy là hậu quả của nền giáo dục phi đạo lý, bỏ quên giá trị của ""lễ". Khi con-người không còn biết tôn quí người khác thì nó chỉ là một con thú dữ chỉ thích sống theo bản năng chiếm đoạt cướp giật.

Vậy, ý nghĩa Lễ Giáng sinh là gì? Tại sao người thiên chúa giáo xem hiện tượng "Chúa Sinh ra đời" là một điềm lành cho nhân loại? Tại sao chúng ta chờ đến đúng lúc 12 giờ khuya để hôn nhau, chúc mừng năm mới? Vậy, ý nghĩa của Tết Nguyên Đán là gì? Tại sao người Á Đông xem Tết là một ngày hội lớn, trọng đại nhất trong năm? Tại sao chúng ta long trọng làm lễ Giao Thừa? Tôi chỉ dùng hai cuộc ""Lễ" của

Đông và Tây có rất nhiều ý nghĩa ấy để thức tỉnh tinh thần ""tôn kính Trời" trong chúng tạ Chúa-Trời đến với nhân loại, tìm cách cứu rỗi con-người bằng tình thương. Chúng ta phải tôn kính, thương yêu Trời. Lễ Giao Thừa được tổ chức vào lúc huyền lực vũ trụ chuyển hóa giữa Đất và Trời để sự sống được chuyển tiếp luân lưu mãi mãi. Chúng ta phải biết ơn Trời, tôn kính, thương yêu Trời.

Để biểu lộ tình cảm ấy, chúng ta phải làm một cái gì.

Hằng năm, vào dịp Giáng Sinh và Tết Nguyên Đán, tôi cầu xin

- các bạn đọc những giòng chữ này, riêng các bạn không thiết lập bàn thờ trong nhà

- các bạn thường ngại đi nhà thờ và đi chùa, kể cả vào dịp Thánh Lễ Nửa-Đêm và Giao Thừa,

- các bạn không quen khấn nguyện, cúng vái hãy tỏ lòng cám ơn Trời đã cho chúng ta "làm-người" và nhớ phải tôn kính Trời.

Bắt đầu bằng Lễ Nửa Đêm, Lễ Giao Thừa năm nay, các bạn hãy thắp vài cây nhang (không có cũng được), ra đứng giữa Trời, chắp hai tay, ngửa mặt nhìn Trời và khấn hứa với Trời : sẽ luôn luôn, mãi mãi tôn thờ Tình Thương Yêu nhau. Sau đó, các bạn hãy vái lạy năm lần.

Mong các bạn sẽ thấy lòng mình lâng lâng sung sướng. Tôi xin được chung vui với các bạn.

Thành phố Mỹ Lệ, ngày Đại Tuyết năm Ất Dậu

07 tháng 12 năm 2005